

Bản án số: 420/2020/HS-PT
Ngày 24 tháng 7 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Ngọc Huynh

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Hùng
Ông Phan Đức Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Dương Đức Thắng – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 338/2019/TLPT-HS ngày 28 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo Đoàn Thiện T và Trần Thị Mộng Tr;

Do có kháng cáo của các bị cáo bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Đoàn Thiện T, sinh năm 1960; Nơi sinh: Vĩnh Châu, Sóc Trăng; Nơi cư trú: Số 251, đường X, phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Nguyên Hiệu trưởng Trường C; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không theo tôn giáo; Con ông Đoàn Văn M và bà Trịnh Thị Th; Có vợ và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại(có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Đoàn Thiện T: Luật sư Nguyễn Thị Thu Tr1, sinh năm 1978, thuộc Văn phòng Luật sư L, Đoàn Luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: Số 60 đường L, TT. M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

2. Trần Thị Mộng Tr, sinh năm 1962; Nơi sinh: Long Hồ, Vĩnh Long; Nơi cư trú: Số 35 đường H, khóm 7, phường 1, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng phòng Tài vụ - Kế toán trường Trường C (đã nghỉ hưu); Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không theo tôn giáo; Con ông Trần Văn Ch và bà Chiêm Thanh H;

Có chồng và 01 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Mộng Tr: Ông Trần Thanh Ph, sinh năm 1951, thuộc Văn phòng Luật sư Trần Thanh Ph, Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ; Địa chỉ: Số 170B, đường Tr, quận N, thành phố Cần Thơ (có mặt).

- Những người tham gia tố tụng khác:

Bị cáo không kháng cáo:

Phạm Ngọc Q, sinh năm 1968; Nơi sinh: Cần Thơ; Nơi cư trú: Số 263/84, đường P, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học Trường C; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Thiên Chúa; Con ông Phạm Ngọc Ch1 và bà Nguyễn Thị H1; Có vợ và 02 người con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; Bị cáo chấp hành án từ ngày 12/7/2019 (có mặt).

Nguyên đơn dân sự: Trường C.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1973- Phó Hiệu trưởng Trường C(có mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Quách Yến L1, sinh năm 1990; Địa chỉ thường trú: Ấp P, thị trấn C, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: Số 407 đường L, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

2. Bà Lê Thanh Th1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: khóm 9, phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

3. Ông Ngô Minh D, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Ấp Tr, xã Tr, huyện L, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

4. Ông Cù Phước L, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

5. Ông Hồng Tiến Th2, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Ấp A, xã H, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

6. Bà Lê Thị Ngọc G, sinh năm 1989; Nơi cư trú: Số 11 đường Đ, khóm 2, phường 1, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

7. Ông Lê Thành Tr2, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Số 138, ấp G, xã A, huyện Ch, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

8. Ông Lê Minh Tr3, sinh năm 1973; Nơi cư trú: Số 44 đường P, phường 9, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

9. Bà Trần Minh Th3, sinh năm 1987; Nơi cư trú: Phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

10. Bà Nguyễn Thị Ngọc M1, sinh năm 1982; Nơi cư trú: phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

11. Bà Nguyễn Thị Mộng L2, sinh năm 1987; Nơi cư trú: xã L, huyện B, tỉnh Long An (vắng mặt).

12. Bà Lâm Kim Ng, sinh năm 1989; Nơi cư trú: phường 3, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; Chỗ ở: phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

13. Bà Nguyễn Ngọc T2, sinh năm 1992; Nơi cư trú: đường Ng, phường 2, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

14. Bà Trần Tuyết N, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

Người làm chứng:

Ông Trần Văn Tr4, sinh năm 1966; Nơi cư trú: phường 6, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng (có đơn xin vắng mặt).

Giám định viên:

1. Ông Nguyễn Minh Q1, Trưởng phòng Q - Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng(vắng mặt).

2. Ông Nguyễn Hùng A, Thanh tra viên - Thanh tra Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

3. Bà Ngô Thị Cẩm Ng1, Phó Trưởng phòng Q - Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trường C tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là Trường C) được thành lập theo Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT, ngày 08/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ giáo dục quốc dân, cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là UBND) và hoạt động theo Quy chế hoạt động số 375/QĐTC-CTUBND, ngày 29/8/2012. Theo Quyết định số 289/QĐTC-CTUBND, ngày 10/8/2007 và Quyết định 447/QĐTC-CTUBND, ngày 10/10/2012 của Chủ tịch UBND tỉnh đã bổ nhiệm ông Đoàn Thiện T giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường C. Ngày 07/01/2008, Hiệu trưởng Trường C ban hành Quyết định số 18/QĐ-CĐCĐ, về việc bổ nhiệm bà Trần Thị Mộng Tr giữ chức vụ Trưởng phòng Tài vụ và Thiết bị Trường C.

Trung tâm Ngoại ngữ, tin học (viết tắt Trung tâm N) được thành lập theo Quyết định số 655/QĐTC-CTUBND, ngày 21/11/2006 của Chủ tịch UBND tỉnh trực thuộc Trường C. Ngày 07/12/2015, Hiệu trưởng Trường C ban hành Quyết định số 422/QĐ-CĐCĐ về việc bổ nhiệm ông Phạm Ngọc Q giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm N. Trung tâm N gồm ông Phạm Ngọc Q – Giám đốc, bà Quách

Yến L1 – Giáo viên ngoại ngữ đến năm 2016 nghỉ việc, sau đó bà Lê Thanh Th1 vào thay làm giáo viên ngoại ngữ và ông Ngô Minh D – Giáo viên tin học.

Trong thời gian hoạt động từ tháng 8/2014 đến tháng 11/2016 Trung tâm N đã thu lệ phí thi và lệ phí ôn thi là 2.636.680.000đ. Trong quá trình hoạt động, Trung tâm N đã chi cho hoạt động còn dư lại số tiền 908.800.000đ.

Sau khi thống nhất giữa các bị cáo T, Q và Tr đã lập chứng từ chi 31 lần với nội dung là chi mở rộng các cơ sở cấp huyện trong tỉnh, chi bồi dưỡng, thưởng Tết Nguyên đán nhưng thực tế qua xác minh thể hiện không có việc mở rộng cơ sở mà hợp thức hóa chứng từ để chi cho 13 cá nhân gồm Đoàn Thiện T nhận 294.000.000đ (đã khắc phục), Phạm Ngọc Q nhận 151.450.000đ (đã khắc phục), Trần Thị Mộng Tr nhận 151.450.000đ (đã khắc phục), Quách Yến L1 nhận 117.950.000đ (đã nộp lại), Ngô Minh D nhận 149.950.000đ (đã nộp lại qua trừ lương tính đến tháng 01/2019 được 19.850.000đ), Lê Thanh Th1 nhận 32.000.000đ (đã nộp lại), Nguyễn Thị Ngọc M1 nhận 4.000.000đ (đã nộp lại), Cù Phước L nhận 3.000.000đ (đã nộp lại), Hồng Tiến Th2 nhận 1.000.000đ (đã nộp lại), Lê Minh Tr3 nhận 1.000.000đ (đã nộp lại), Lê Thành Tr2 nhận 1.000.000đ (đã nộp lại), Lê Thị Ngọc G nhận 1.000.000đ (đã nộp lại) và Trần Minh Th3 nhận 1.000.000đ (đã nộp lại). Tổng cộng 908.800.000đ, đã khắc phục, nộp lại là 778.700.000đ.

Tại Kết luận giám định tài chính, kế toán ngày 12/10/2017 đã xác định nguồn thu lệ phí thi, lệ phí ôn thi là nguồn thu ngân sách Nhà nước theo Khoản 1 Điều 2 Luật Ngân sách Nhà nước và các Điểm 2, 3 Điều 11 Nghị định số 57 ngày 03/6/2002 của Chính phủ. 31 chứng từ (phiếu chi) không có phát sinh, nội dung của 31 chứng từ (phiếu chi) không trung thực với nghiệp vụ kế toán, tài chính phát sinh, trái với Điểm 3 Mục 1 phần thứ nhất về hệ thống chứng từ kế toán ban hành theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp.

Qua xác minh các địa phương trong tỉnh đã thể hiện Trung tâm N không có liên kết mở các lớp, không nhận tiền hoặc cho Trung tâm N.

Tại Cáo trạng số 01/CT-VKSST-P1, ngày 28/01/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng truy tố các bị cáo Đoàn Thiện T, Phạm Ngọc Q, Trần Thị Mộng Tr về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo các điểm b, c khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng quyết định:

** Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Đoàn Thiện T và Trần Thị Mộng Tr.*

** Căn cứ điểm b, c khoản 2, khoản 4 Điều 356; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) đối với bị cáo Phạm Ngọc Q.*

** Tuyên bố các bị cáo Đoàn Thiện T, Phạm Ngọc Q, Trần Thị Mộng Tr phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.*

** Xử phạt bị cáo Đoàn Thiện T**03 (ba) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.*

** Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc Q**02 (hai) năm 06 (sáu) tháng** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.*

** Xử phạt bị cáo Trần Thị Mộng Tr**02 (hai) năm** tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi thi hành án hoặc ngày bắt bị cáo đi thi hành án.*

** Về hình phạt bổ sung: Cấm các bị cáo Đoàn Thiện T, Phạm Ngọc Q, Trần Thị Mộng Tr đảm nhiệm chức vụ 01 (một) năm.*

** Trường C được quyền nhận lại số tiền là 640.900.000 đồng do các bị cáo và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông (bà) Cù Phước L, Hồng Tiến Th2, Lê Thanh Th1, Nguyễn Thị Ngọc M1, Trần Minh Th3, Lê Thành Tr2, Lê Minh Tr3, Lê Thị Ngọc G đã nộp khắc phục, nộp lại thông qua Thanh tra Nhà nước tỉnh Sóc Trăng qua giao dịch tại Ngân hàng Agribank Sóc Trăng vào ngày 15, 20/3/2017; và số tiền 195.064.000đ do Cơ quan cảnh sát điều tra thu giữ và đã nộp vào tài khoản của Sở Tài chính tỉnh Sóc Trăng tại Kho bạc Nhà nước Sóc Trăng vào ngày 29/3/2018, 15/02/2019; và tiếp tục thực hiện trừ lương hàng tháng của ông Ngô Minh D để thu hồi số tiền ông D đã nhận nhưng chưa nộp lại, để quản lý, sử dụng theo quy định pháp luật hiện hành và các quy định có liên quan.*

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 24/5/2019, bị cáo Đoàn Thiện T kháng cáo toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm tuyên bố bị cáo không phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” vì cấp sơ thẩm không xem xét toàn diện các chứng cứ khách quan có trong hồ sơ vụ án, chỉ căn cứ vào lời khai của bị cáo Phạm Ngọc Q để làm chứng cứ buộc tội là chủ quan, gây thiệt hại đến quyền lợi hợp pháp của bị cáo T.

Ngày 27/5/2019, bị cáo Trần Thị Mộng Tr kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã khắc phục hậu quả trước khi khởi tố vụ án, bản thân bị cáo được tặng Huân chương Lao động, Bằng khen của Thủ tướng chính phủ và gia đình bị cáo là thành phần có công cách mạng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:Các bị cáo Đoàn Thiện T, Trần Thị Mộng Tr giữ nguyên nội dung kháng cáo và yêu cầu Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của các bị cáo.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Đơn kháng cáo của bị cáo, đại diện bị hại và các thủ tục tố tụng khác đã được thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo Đoàn Thiện T, Trần Thị Mộng Tr phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là có căn cứ, đúng pháp luật. Các bị cáo kháng cáo nhưng không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên, của Luật sư, của bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Trường C tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là Trường C) được thành lập theo Quyết định số 2917/QĐ-BGD&ĐT ngày 08/6/2006 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, là cơ sở giáo dục công lập thuộc hệ giáo dục quốc dân, cơ quan chủ quản là Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (viết tắt là UBND), hoạt động theo Quy chế hoạt động số 375/QĐTC-CTUBND, ngày 29/8/2012. Theo Quyết định số 289/QĐTC-CTUBND ngày 10/8/2007 và Quyết định 447/QĐTC-CTUBND ngày 10/10/2012, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng đã bổ nhiệm ông Đoàn Thiện T giữ chức vụ Hiệu trưởng Trường C. Ngày 07/01/2008, Hiệu trưởng Trường C ban hành Quyết định số 18/QĐ-CĐCĐ về việc bổ nhiệm bà Trần Thị Mộng Tr giữ chức vụ Trưởng phòng Tài vụ và Thiết bị Trường C.

Ngày 07/12/2015, Hiệu trưởng Trường C ban hành Quyết định số 422/QĐ-CĐCĐ về việc bổ nhiệm ông Phạm Ngọc Q giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm N thuộc Ban giám hiệu Trường C.

Trong thời gian hoạt động từ tháng 8/2014 đến tháng 11/2016, Trung tâm N đã thu lệ phí thi và lệ phí ôn thi là 2.636.680.000đ. Số tiền này đều có phiếu chi nhưng trong đó có 31 phiếu chi không với số tiền là 991.700.000 đồng. Trung tâm N lập bảng kê và chi số tiền 991.700.000 đồng với nội dung là chi mở rộng các cơ sở cấp huyện trong tỉnh, chi bồi dưỡng, thưởng Tết Nguyên đán nhưng thực tế là chi cho 13 cá nhân của Trường C trong đó có bị cáo T, bị cáo Tr và bị cáo Q.

[2] Xét kháng cáo của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về lý lịch bị can:

Đối với Trần Thị Mộng Tr: Lý lịch bị can ghi quê quán tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, nhưng trong Danh chỉ bản lại ghi quê quán tại tỉnh Sóc Trăng.

Đối với Phạm Ngọc Q: Tuy không kháng cáo, nhưng qua xem xét hồ sơ vụ án thì lý lịch bị can ghi Phạm Ngọc Q quê quán tại Côn Lĩnh, Kiến An, Hải Phòng, nhưng trong Danh chỉ bản lại ghi quê quán tại Cần Thơ.

Như vậy, cần phải điều tra làm rõ vì sao lý lịch của các bị cáo này lại có sự khác nhau về quê quán, hay đây là 02 (hai) người khác nhau để bảo đảm xét xử đúng người, tránh sự nhầm lẫn, sai sót.

[2.2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo:

[2.2.1] Ngày 21/11/2006, Chủ tịch UBND tỉnh Sóc Trăng ban hành Quyết định số 655/QĐTC-CTUBND thành lập Trung tâm N trực thuộc Trường C, tỉnh Sóc Trăng. Tại Bản Cáo trạng và Bản án hình sự sơ thẩm đều căn cứ vào Quyết định (655) này để giải quyết vụ án.

Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án lại có bản phô tô Quyết định số 707/QĐTC-CTUBND ngày 25/10/2012 cũng có nội dung về việc thành lập Trung tâm N trực thuộc Ban Giám hiệu Trường C. Trong khi đó, Quyết định số 422/QĐ-CĐCĐ ngày 07/12/2015 của Hiệu trưởng Trường C tỉnh Sóc Trăng về việc bổ nhiệm ông Phạm Ngọc Q giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm N thuộc Ban Giám hiệu trường C tỉnh Sóc Trăng lại căn cứ vào Quyết định số 707/QĐTC-CTUBND ngày 25/10/2012 nêu trên.

Như vậy, có 02 (hai) quyết định đều có nội dung thành lập Trung tâm N, nhưng 01 (một) quyết định thì thành lập Trung tâm N trực thuộc Trường C, còn 01 (một) quyết định lại trực thuộc Ban Giám hiệu Trường C. Do đó, cần phải điều tra làm rõ để xác định Trung tâm N liên quan đến số tiền bị chiếm đoạt được thành lập theo quyết định nào từ đó mới có cơ sở để các cơ quan tiến hành tố tụng xem xét, đánh giá vụ án một cách chính xác, khách quan, toàn diện.

[2.2.2] Trong số 31 phiếu chi nội dung bồi dưỡng, khen thưởng mà Cơ quan Điều tra cũng như Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo nhận tiền từ việc chi khổng, nhưng lại có một số phiếu chi không có chữ ký của bị cáo T và bị cáo Tr. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo cho rằng không nhận các khoản tiền ghi trong danh sách này. Do đó, vấn đề này cũng cần phải được làm rõ để xác định đúng số tiền các bị cáo này thực nhận, nếu số tiền này các bị cáo không nhận thì ai là người đang quản lý, sử dụng để làm căn cứ giải quyết về mức hình phạt cũng như về trách nhiệm dân sự.

[2.2.3] Trong 31 phiếu chi khổng thì có một số khoản tiền do Quách Yến L1 đã nhận trước khi nhập quỹ. Thực tế trong sổ quỹ tiền mặt của Trường C có thể hiện khoản tiền này. Bị cáo Tr thừa nhận tiền thu được nhập quỹ, có hạch toán trên sổ kế toán và hàng năm được Sở Tài chính kiểm tra, phê duyệt. Phạm Ngọc Q thì cho rằng khoản tiền này không nhập quỹ, việc ghi vào sổ quỹ và sổ kế toán là ghi vào sau khi đã thu và đã chi của Trung tâm N.

Hội đồng xét xử xét thấy, việc xác định khoản tiền 908.800.000 đồng mà Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng các bị cáo chiếm đoạt đã được đưa vào quỹ của trường chưa, có thực sự đưa vào quỹ và được hạch toán trên sổ sách kế toán của trường hay không hay là các bị cáo để ở ngoài tự chi trước rồi sau đó mới ghi thu, ghi chi vào sổ kế toán để hợp thức hóa là rất quan trọng, nó ảnh hưởng đến việc xác định tội danh của các bị cáo là tội “Tham ô tài sản” hay tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Nếu số tiền trên là đã nộp vào ngân sách nhà nước mà có căn cứ xác định các bị cáo chiếm đoạt thì hành vi của các bị cáo có dấu hiệu của tội “Tham ô tài sản”. Do đó, cần phải điều tra làm rõ các vấn đề này để làm căn cứ cho việc xét xử vụ án đúng pháp luật.

[2.2.4] Đối với bị cáo Đoàn Thiện T, tại Tòa án cấp sơ thẩm bị cáo không nhận tội và tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo T vẫn kêu oan vì cho rằng không chỉ đạo Phạm Ngọc Q chi khống các khoản chi thể hiện trong 31 phiếu chi nêu trên, không biết việc Q chi khống mà chỉ nghe Q báo lại là có chi, nhưng do bị cáo không kiểm tra nên không biết việc có chi khống. bị cáo T còn cho rằng khi nhận tiền bồi dưỡng thì chỉ nghe Q nói *“thầy cô yên tâm, tiền này là của cơ sở không dính gì đến quỹ trường”* nên bị cáo mới ký nhận tiền, nếu biết đó là tiền chi khống thì bị cáo đã không nhận. Về phía bị cáo Tr, bị cáo cũng trình bày không biết việc chi khống.

Do đó, cần phải điều tra làm rõ vấn đề này, phải tiến hành đối chất giữa 03 bị cáo với các nhân viên khác có liên quan đến khoản tiền chi khống của Trung tâm N để xác định bị cáo T và bị cáo Tr có biết việc 31 chứng từ là chi khống hay không để đảm bảo việc xét xử vụ án đúng người đúng tội, không làm oan người vô tội.

[3] Vì các lẽ trên, Hội đồng xét xử xét thấy những thiếu sót trong quá trình điều tra, truy tố và việc xét xử của Tòa án cấp sơ thẩm là không thể khắc phục được tại phiên tòa phúc thẩm. Do đó, Hội đồng xét xử hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại theo quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo việc xét xử vụ án đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[5] Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Ngọc Q cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý lại vụ án.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đoàn Thiện T và Trần Thị Mộng Tr không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 355, Điều 358 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Đoàn Thiện T và bị cáo Trần Thị Mộng Tr.

2. Hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm số 06/2019/HS-ST ngày 14/5/2019 của Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

3. Chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng để điều tra lại vụ án.

4. Tiếp tục tạm giam bị cáo Phạm Ngọc Q cho đến khi Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng thụ lý lại vụ án.

5. Về án phí hình sự phúc thẩm: Các bị cáo Đoàn Thiện T và Trần Thị Mộng Tr không phải chịu.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- Cục THADS tỉnh Sóc Trăng;
- Công an tỉnh Sóc Trăng;
- Sở Tư pháp tỉnh Sóc Trăng;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Nguyên đơn dân sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Ngọc Huynh